

Bản án số: 121 /2017/HSPT

Ngày: 19-09-2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lộc.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trung và ông Trương Cao Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Khanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 62/2017/TLPT-HS ngày 25 tháng 4 năm 2017 đối với các bị cáo Tôn Nữ Khánh L và Tôn Nữ Khánh TR, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HSST ngày 14-03-2017 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Bị cáo Tôn Nữ Khánh L** (tên gọi khác: Hải Triều); giới tính: Nữ, sinh ngày 02/02/1993 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi ĐKKHKT: Số 74 PBC, phường TA, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chỗ ở hiện nay: 12B DVA, phường XP, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Thợ trang điểm; trình độ văn hóa: 9/12. Con ông Tôn Thất T, sinh năm 1966 và bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1968. Có chồng đã ly hôn và 01 người con sinh ngày 30/12/2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Bị cáo Tôn Nữ Khánh TR**, giới tính: Nữ, sinh ngày 12/8/1990 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi ĐKKHKT: 12B DVA, phường XP, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chỗ ở hiện nay: Số 27 TĐT, phường PH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Thợ trang điểm; Trình độ văn hóa: 12/12. Con ông Tôn Thất T, sinh năm 1966 và bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1968. Chung sống như vợ chồng với anh Lại Hoàng Ngọc H, sinh năm 1984 và có 01 người con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho các bị cáo Tôn Nữ Khánh L và Tôn Nữ Khánh TR: Luật sư Lê Thị Trà My, Công ty Luật TNHH MTV Thiên Hà, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người bị hại:* Bà Lê Thị Như N, sinh năm 1972. Nơi ĐKHKTT: Tổ 23, khu vực 6, phường TX, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi công tác: Trường Tiểu học CC, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Trần Nhật T, sinh ngày 20/8/1997. Trú tại: Thôn HP, xã PH, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Anh Đỗ CL, sinh năm 1988. Trú tại: Số 26 TĐ, thành phố H. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghi ngờ bà Lê Thị Như N, sinh năm 1972, trú tại: Tổ 23, phường TX, thành phố H (bà N là giáo viên dạy môn Anh văn tại Trường Tiểu học TV, thị xã HT) có quan hệ bất chính với ông Tôn Thất T, sinh năm 1966, trú tại: Số 14A DVA, thành phố H nên khoảng 08 giờ ngày 27/11/2015, Tôn Nữ Khánh L rủ Tôn Nữ Khánh TR là chị gái mình (cả hai đều là con đẻ của ông T) đi tìm bà N để hỏi rõ mối quan hệ này, TR đồng ý. L nói với Trần Nhật T là người học việc tại tiệm trang điểm của L “Chờ chị đi đây xí”, T đồng ý và lái xe mô tô biển kiểm soát 75B1-299.96 chở L chạy về hướng Trường Tiểu học TV. Còn TR nói với Đỗ Càn L, sinh năm 1988, trú tại: số 26 TĐ, thành phố H “Chờ em đi đây xí”. L đồng ý và lái xe mô tô biển kiểm soát 75B1-111.36 chở TR chạy theo L, T. Khi đi trên đường, L có hỏi TR: “Về đây làm chi” thì TR trả lời: “Về hỏi rõ lý do bà N kiện mẹ em ở phường và chứng minh có gian díu với ba em”.

Khi đến Trường Tiểu học TV, T đi tìm xe mô tô của bà N (L nói biển số xe của bà N cho T biết), còn TR đến hỏi một giáo viên trong trường thì biết bà N đang dạy học ở trên tầng hai. Cả nhóm đi lên tầng 2 và đứng trước cửa lớp 4/1. Lúc này, lớp 4/1 đang học môn Tiếng Anh do bà N giảng dạy. Bà N ngồi trên bàn giáo viên còn phía dưới các em học sinh đang làm bài tập (32 em). TR gọi bà N: “Chị ra cho em gặp xí”, bà N trả lời: “Đợi chị dạy xong đã”. Trong khi đứng chờ thì L, TR thấy bà N sử dụng điện thoại nên L và TR nói với nhau: “Bà gọi cho ông già nơi tề”. TR, L và T cùng nhau xông vào lớp, đến bàn giáo viên nơi bà N đang ngồi nói to: “Mì đưa điện thoại đây”, đồng thời TR, L chụp tay, ghì vai, kéo áo bà N để giành lấy điện thoại. Sợ bị lấy điện thoại nên bà N ném cả 02 cái điện thoại về phía bàn học của các em học sinh, thì T đi nhặt 02 cái điện thoại. Sau đó L, TR kéo bà N ra khỏi bàn giáo viên và cùng với T dùng tay, dùng giày đánh nhiều cái vào vùng mặt, vùng đầu, vùng lưng của bà N. TR và L còn la lớn: “Mì cướp chồng người khác mà còn đi kiện mẹ tau”, “Mì quỳ xuống cho tau”, đồng thời cùng với T ghì đầu bà N xuống đất. Do sợ bị đánh nên bà N quỳ xuống đất trước mặt TR, L, T và các em học sinh để van xin. Trong lúc quỳ, bà N có nói với các em học sinh: “Đi báo cho cô” thì TR nói: “Đưa mô ra khỏi lớp tau giết”. Các em học sinh sợ hãi bỏ chạy hết ra khỏi lớp, lợi dụng lúc L, TR, T sờ hờ nên bà N bỏ chạy ra khỏi phòng học và đến nhà dân ở gần đó để trốn. Còn TR lấy 02 điện thoại, túi xách của bà N đưa về phòng trọ của L để

kiểm tra xem có chứng cứ gì liên quan đến mối quan hệ giữa bà N với ông T không và ngay sau đó Long chờ TR quay lại Trường Tiểu học TV để trả toàn bộ tài sản cho bà N (quá trình TR, L và T đánh đập và làm nhục bà N thì L đứng ở vị trí cửa ra vào lớp cầm điện thoại nhắn tin, liên lạc với khách hàng).

Sau khi bị L, TR và T đánh đập, làm nhục, bà N chỉ bị xay xát nhẹ nên không yêu cầu giám định thương tích. Do sự việc trên bà N bị khủng hoảng về tinh thần nên phải nghỉ dạy học 01 tuần để ở nhà điều trị. Sau đó, bị dư luận, báo chí đưa tin làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của bản thân và phải chuyển công tác đến Trường Tiểu học CC, xã TB, thị xã HT để giảng dạy theo Quyết định điều động viên chức số 317/QĐ-UBND ngày 29/2/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã HT và cũng do sự việc trên nên bị chồng là ông Võ Quang M nộp đơn ly hôn, đến ngày 23/6/2016 thì Tòa án nhân dân thành phố Huế ban hành Quyết định số 218/2016/QĐDS-ST công nhận thuận tình ly hôn giữa ông M và bà N.

Tại Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể của bà Lê Thị Như N ngày 27/11/2015, như sau:

- Vết sưng đỏ ngoài da má phải kích thước 2cm × 3cm;
- Vết rách da nông giữa 2 lông mày theo hướng trên xuống, dài 1cm.
- Về trách nhiệm dân sự: Bà N yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần theo quy định, hiện các bị cáo bồi thường 6.000.000đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HSST ngày 14-3-2017, Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy đã quyết định:

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 121; các Điểm b, h, p Khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Nghị Quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; Danh mục một số quy định có lợi cho người phạm tội trong Bộ luật Hình sự năm 2015 ban hành kèm theo Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao đối với tất cả các bị cáo. Riêng bị cáo Tôn Nữ Khánh TR được áp dụng thêm Điều 60 Bộ luật Hình sự và bị cáo Trần Nhật T được áp dụng thêm Điều 29 Bộ luật Hình sự; Xử phạt:

- Bị cáo Tôn Nữ Khánh L 09 (Chín) tháng tù về tội “Làm nhục người khác”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Bị cáo Tôn Nữ Khánh TR 06 (Sáu) tháng tù về tội “Làm nhục người khác”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn phạt cảnh cáo đối với bị cáo Trần Nhật T; tuyên về trách nhiệm dân sự, quyền thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/3/2017, bị cáo Tôn Nữ Khánh L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; bị cáo Tôn Nữ Khánh TR có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng hình phạt cảnh cáo, với lý do: Cơ

quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 121 của Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp với quy định của pháp luật vì bị hại không phải là người đang thi hành công vụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị: Hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại, làm rõ mối quan hệ tình cảm giữa bà N và bố các bị cáo là ông Tôn Thất T; làm rõ vai trò của anh Đỗ Càn L trong vụ án.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị không áp dụng tình tiết định khung tăng nặng quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 121 của Bộ luật Hình sự vì người bị hại không phải là người đang thi hành công vụ; cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho bị cáo Tôn Nữ Khánh L được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

XÉT THẤY:

Đã có cơ sở để kết luận: Do nghi ngờ bà Lê Thị Như N, sinh năm 1972 (trú tại: Tổ 23, phường TX, thành phố H) có quan hệ bất chính với ông Tôn Thất T, nên sáng ngày 27/11/2015 tại phòng học của lớp 4/1 của Trường Tiểu học TV, xã TV, thị xã HT, các bị cáo Tôn Nữ Khánh L, Tôn Nữ Khánh TR và Trần Nhật T đã có hành vi xông vào bàn giáo viên, lớn tiếng giằng co, chụp tay, ghi vai, kéo bà Lê Thị Như N, là giáo viên dạy môn tiếng Anh của trường ra khỏi bàn giáo viên; rồi dùng tay đánh nhiều cái vào mặt, đầu, lưng bà N, bắt bà N quỳ xuống đất. Theo yêu cầu của các bị cáo bà N đã quỳ xuống đất trước mặt các bị cáo và các em học sinh.

Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy đã xét xử các bị cáo Tôn Nữ Khánh L và Tôn Nữ Khánh TR về tội “Làm nhục người khác” theo Điều 121 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của các bị cáo và đề nghị của người bào chữa về việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng định khung quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 121 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 về giải thích từ ngữ của Nghị định 208/2013/NĐ-CP ngày 17/12/2013 của Chính Phủ quy định các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý hành vi chống người thi hành công vụ thì: “Người thi hành công vụ là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân được cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và được pháp luật bảo vệ nhằm phục vụ lợi ích của Nhà nước, nhân dân và xã hội”. Tại thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đối với bà N thì bà N là giáo viên (viên chức) đang thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trên lớp học.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 về giải thích từ ngữ của Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước ngày 18/6/2009 thì: “Người thi hành công vụ là người được bầu cử, phê chuẩn, tuyển dụng hoặc bổ nhiệm vào một vị trí trong

cơ quan nhà nước để thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án hoặc người khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án”. Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh của Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước hoàn toàn khác với phạm vi điều chỉnh của Nghị định 208/2013/NĐ-CP ngày 17/12/2013.

Vì thế, Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy đã kết án các bị cáo Tôn Nữ Khánh L và Tôn Nữ Khánh TR về tội “Làm nhục người khác” theo quy định tại Điều d Khoản 2 Điều 121 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và đề nghị của luật sư bào chữa.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại, làm rõ mối quan hệ tình cảm giữa bà N và bố các bị cáo là ông Tôn Thất T; làm rõ vai trò của anh Đỗ Càn L trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã có yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bổ sung chứng cứ làm rõ các vấn đề nêu trên. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã có công văn trả lời số 1106/VKS-P7 ngày 27 tháng 7 năm 2017 kèm công văn trả lời của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cấp sơ thẩm. Do vậy, không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của người bị hại, mà còn gây mất an ninh trật tự tại trường học và địa phương, ảnh hưởng đến cuộc sống của người bị hại. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Bị cáo L là người khởi xướng, là người thực hành, trực tiếp đánh đập, làm nhục bà N. Bị cáo TR là đồng phạm, là người giúp sức tích cực, sau khi nghe em gái là bị cáo L rủ rê đã đồng ý tham gia, cùng với bị cáo L đánh đập, làm nhục bà N. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho cả 2 bị cáo: các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn; đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại, các bị cáo đều đã ly hôn và đang nuôi con nhỏ. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Tôn Nữ Khánh L 09 tháng tù, bị cáo Tôn Nữ Khánh TR 06 tháng tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là thỏa đáng, không nặng. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Tôn Nữ Khánh L đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền bồi thường còn lại theo quyết định của bản án sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã nhận biết lỗi của mình và xin lỗi người bị hại, người bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo đã ly hôn và

đang nuôi con nhỏ. Xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Tôn Nữ Khánh L đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền bồi thường còn lại theo quyết định của bản án sơ thẩm là 3.445.000 đồng theo biên lai thu tiền số 003197 ngày 18/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, bị cáo Tôn Nữ Khánh TR đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền bồi thường còn lại theo quyết định của bản án sơ thẩm là 1.267.000 đồng.

Sửa phần án phí dân sự của bản án sơ thẩm: Các bị cáo Tôn Nữ Khánh L, Tôn Nữ Khánh TR không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Tôn Nữ Khánh L không phải chịu. Bị cáo Tôn Nữ Khánh TR phải chịu 200.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 248 và Điểm đ Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tôn Nữ Khánh TR. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Tôn Nữ Khánh L, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 121; các điểm b, h, p Khoản 1 Khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt:

- Bị cáo Tôn Nữ Khánh L 09 (Chín) tháng tù về tội “Làm nhục người khác”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Tôn Nữ Khánh L cho Ủy ban nhân dân phường XP, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

- Bị cáo Tôn Nữ Khánh TR 06 (Sáu) tháng tù về tội “Làm nhục người khác”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Tôn Nữ Khánh TR cho Ủy ban nhân dân phường XP, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Sửa phần án phí dân sự của bản án sơ thẩm: Các bị cáo Tôn Nữ Khánh L, Tôn Nữ Khánh TR không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Tôn Nữ Khánh L không phải chịu. Bị cáo Tôn Nữ Khánh TR phải chịu 200.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh;
- TAND thị xã Hương Thủy;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Công an thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu THS, Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THANH LỘC